

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NL
TỈNH TH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và
chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Hùng.

Ông Triệu Kim Bình.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh TH tham gia phiên toà:
Bà Lê Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/12/2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-DS ngày 24/3/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1997. Nơi ở hiện nay: Số nhà 38 khu phố S NK, thị trấn NL, huyện NL, TH. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Triệu Minh N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khu phố HS, thị trấn NL, huyện NL, TH. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NHCS. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T- Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Minh H - Chức vụ: Giám đốc PGDNHCS huyện NL, tỉnh TH. (Văn bản ủy quyền số 7300 ngày 19/9/2019). Địa chỉ: Khu phố ND, thị trấn NL, huyện NL, tỉnh TH. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2024 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Trịnh Thị N trình bày: Chị và anh Triệu Minh N kết hôn vào ngày 08/6/2017, đăng ký kết hôn tại UBND trấn NL, huyện NL, tỉnh TH, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất là vào đầu năm 2023, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh N từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Triệu Minh N có một con chung là Triệu Anh K, sinh ngày 25/7/2018. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân chị là người chăm sóc nuôi dưỡng con chung, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Triệu Anh K cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về số nợ chung: Ngày 12/6/2023 anh Triệu Minh N có vay của Phòng giao dịch NHCS huyện NL số tiền 70.000.000 đồng với mục đích sử dụng tiền vay chi phí cho anh N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, tính đến ngày 18/02/2025 số tiền vay anh N đã trả, còn nợ lại 35.200.000 đồng, khoản nợ này là anh N vay riêng để đi xuất khẩu lao động, khi đi xuất khẩu lao động anh N không gửi tiền về cho chị đồng nào. Hiện nay anh N đã trở về địa phương, nên chị đề nghị khoản tiền vay còn nợ anh N phải chịu trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch NHCS huyện NL.

Tại bản tự khai ngày 27/12/2024 anh Triệu Minh N trình bày: Anh và chị N tìm hiểu và tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn NL vào ngày 08/6/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và hai người sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị N khởi kiện ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị N được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung là Triệu Anh K, sinh ngày 25/7/2018. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân chị N là người chăm sóc nuôi dưỡng con chung, vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Hiện nay anh còn nợ Phòng giao dịch NHCS huyện NL, tính đến ngày 14/4/2025 là 35.424.964 đồng, khoản tiền này anh vay cá nhân đi xuất khẩu lao động, nên anh sẽ chịu trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch NHCS huyện NL.

Tại bản tự khai ngày 18/02/2025, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện Phòng giao dịch NHCS huyện NL trình bày: Ngày 12/6/2023 anh Triệu Minh N vay vốn của NHCS huyện NL số tiền 70.000.000 đồng. Mục đích vay: Chi phí đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/6/2026, anh N đã trả nợ được số tiền là 34.800.000 đồng, số tiền còn nợ là 35.424.964 đồng gồm nợ gốc là 35.200.000 đồng và số tiền lãi còn nợ 224.964 đồng. NHCS huyện NL, đồng ý với ý kiến của chị N và anh N, đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh N phải trả lại số tiền còn nợ 35.424.964 đồng cho Phòng giao dịch NHCS huyện NL.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 và khoản 2 Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 các Điều 28; 35; 39; 147; 271; 273 BLTTDS: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Triệu Minh N. Giao cháu Triệu Anh K cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Chấp nhận đề nghị của chị N và anh N về việc anh N phải chịu trách nhiệm trả số tiền còn nợ 35.424.964 đồng theo hợp đồng tín dụng số 100/HĐTD ngày 12/6/2023 cho Phòng giao dịch NHCS huyện NL. Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Triệu Minh N, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh TH theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự, nhưng anh N không có mặt, Tòa án đã thông báo kết quả cho anh N theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh N đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải nhưng anh N vắng mặt, thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Chị N và anh N đều có nguyện vọng được ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn anh N

[3] Về con chung: Chị N và anh N có 01 con chung là Triệu Anh K, sinh ngày 25/7/2018. Chị N và anh N đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu Kiệt đang do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, nên chấp nhận yêu cầu của chị N là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, nên chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản là số nợ: Các đương sự thừa nhận ngày 12/6/2023 anh N vay của NHCS huyện NL số tiền 70.000.000 đồng.

- Xét đề nghị của NHCS huyện NL thấy rằng: Hợp đồng tín dụng số 100/HĐTD ngày 12/6/2023 NHCS huyện NL cho anh N vay tiền, để anh N đi xuất khẩu lao động tại Đài loan. Hợp đồng không có chữ ký của chị N. Việc chị N ký hợp đồng ủy quyền là khi anh N gửi tiền về thì chị N sẽ thay mặt anh N trả nợ cho

NHCS, trong thời gian anh N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh N không gửi tiền về cho chị N. Hiện nay anh N đã trở về địa phương và số tiền trả nợ đều do anh N thực hiện, anh N khẳng định số tiền vay là anh N vay riêng và chịu trách nhiệm trả nợ. Tại phiên tòa đại diện của Phòng giao dịch NHCS huyện NL đồng ý với đề nghị của chị N và anh N, nên buộc anh N phải trả số tiền còn nợ 35.424.964 đồng cho NHCS huyện NL là phù hợp.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 và khoản 2 Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 các Điều 28; 35; 39; 147; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a và b khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, Điều 11, Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Triệu Minh N.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Anh K, sinh ngày 25/7/2018 cho chị Trịnh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở ngăn cấm.

3. Về tài sản là số nợ: Buộc anh Triệu Minh N phải trả số tiền còn nợ 35.424.964 đồng (Ba mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, chín trăm sáu mươi tư đồng) trong Hợp đồng tín dụng số 100/HĐTD ngày 12/6/2023 cho Phòng giao dịch NHCS huyện NL. Anh N tiếp tục phải chịu lãi suất theo nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 100/HĐTD ngày 12/6/2023.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL, theo biên lai số 0002488 ngày 27/12/2024.

Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.771.000 đồng (Một triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Phòng giao dịch NHCS huyện NL, tỉnh TH, thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các đương sự. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/4/2025.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện NL;
- Tòa án nhân dân tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện NL;
- UBND thị trấn NL, huyện NL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

